

BÀI TẬP TUẦN 28

Exercise 1: Chọn đáp án đúng

- 1 These are my arms.  
- 2 These are my fingers.  
- 3 This is my nose.  
- 4 These are my legs.  
- 5 These are my hands.  
- 6 This is my face.  

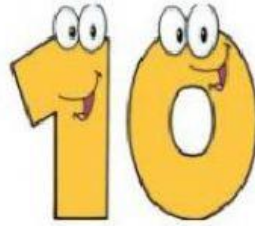
Exercise 2: Nghe và đánh dấu vào đáp án đúng

- | | | |
|---|--|---|
| 1 | a  ☐ | b  ☐ |
| 2 | a  ☐ | b  ☐ |
| 3 | a  ☐ | b  ☐ |
| 4 | a  ☐ | b  ☐ |

Exercise 3: Sắp xếp chữ cái để hoàn thành số đúng



s
x i



e
n t



e s
n e v



e f
v i



g h
e i t



i e
n n

Exercise 4: Chọn đáp án đúng

1

a
b
c



2

a
b
c



3

c
d
e



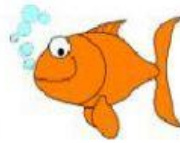
4

b
c
d



5

f
g
h



6

g
h
i



7

e
f
g



8

c
d
e



9

f
g
h

